|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH BẮC GIANG** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2022/NQ-HĐND |  *Bắc Giang, ngày tháng năm 2022* |
| **DỰ THẢO 1** |  |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**KHÓA…., KỲ HỌP THỨ…..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

 *Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

 *Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

 *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

 *Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của… ; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với một (01) dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng thuộc Nội dung số 01 Tiểu dự án 2 Dự án 3; mức hỗ trợ đối với người dân tham gia học xoá mù chữ thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng thuộc Nội dung số 01 Tiểu dự án 2 Dự án 3; hỗ trợ người dân tham gia học xoá mù chữ thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

 **Điều 3.** Quy định mức hỗ trợ đối với một (01) dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng; mức hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ để thực hiện Nội dung số 01 Tiểu dự án 2 Dự án 3 và Tiểu dự án 1 Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, như sau:

 1. Mức hỗ trợ đối với một (01) dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong phạm vi một huyện tối đa không quá 2.000 triệu đồng/dự án, trong phạm vi liên huyện tối đa không quá 6.000 triệu đồng/dự án. Tỷ lệ phần trăm (%) hỗ trợ đối với một (01) dự án thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

 2. Mức hỗ trợ đối với một (01) dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng tối đa không quá 700 triệu đồng/dự án. Tỷ lệ phần trăm (%) hỗ trợ đối với một (01) dự án thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

 3. Mức hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ (chi cho cả khóa học): 500.000 đồng/người/khoá học.

**Điều 4.** Giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị Quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XIX, kỳ họp thứ .... thông qua ngày… tháng…năm 2022 và có hiệu lực từ ngày … tháng …. năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như điều 4;- Vụ Pháp luật của VPCP (b/c);- Vụ Pháp chế của Bộ KH&ĐT, Bộ TC (b/c);- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;- Lãnh đạo VP;- Trung tâm thông tin – VP UBND tỉnh; - Các phòng TH, KT, KTN, ĐT-XD;- Lưu: VT, TH. |  **CHỦ TỊCH****Lê Thị Thu Hồng** |
|  |  |